

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục
“Hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away tại nhà ga hành khách T3 -
Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu các dịch vụ, vị trí, mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Công văn số 4480/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 25/10/2024 của Ban Kinh doanh phát triển thị trường về việc triển khai Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT ngày 22/10/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng phi hàng không tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5628/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5626/QĐ-CHKQTTSN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 24/12/2024 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 26/12/2024 của Tổ thẩm định

về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

1. **Tên hạng mục:** Hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
2. **Bên mời hợp tác:** Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
3. **Thông tin về địa điểm, vị trí mặt bằng hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away**
 - Địa điểm: Khu vực nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
 - Vị trí mặt bằng:
TIA tổ chức lựa chọn đối tác cho **21 (hai mươi một)** mặt bằng hợp tác kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away với quy mô về diện tích như sau:

| STT | Khu vực | Mã vị trí mặt bằng | Số lượng (vị trí) | Diện tích (m ²) |
|---------------|-----------------------------|--------------------|-------------------|-----------------------------|
| Tầng 1 | | | | |
| 1 | Khu cách ly bus lounge trái | T3-DD104-A | 1 | 20,00 |
| 2 | Khu cách ly bus lounge trái | T3-DD104-B | 1 | 20,00 |
| 3 | Khu cách ly bus lounge trái | T3-DD105 | 1 | 40,00 |
| 4 | Khu cách ly bus lounge phải | T3-DD116-A | 1 | 17,00 |
| 5 | Khu cách ly bus lounge phải | T3-DD116-B | 1 | 16,00 |
| 6 | Khu cách ly bus lounge phải | T3-DD117 | 1 | 33,00 |
| Tầng 2 | | | | |
| 7 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD201 | 1 | 20,00 |
| 8 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD205 | 1 | 20,00 |

| STT | Khu vực | Mã vị trí mặt bằng | Số lượng (vị trí) | Diện tích (m ²) |
|---------------|-----------------------------|--------------------|-------------------|-----------------------------|
| 9 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD209 | 1 | 26,00 |
| 10 | Khu vực cách ly cánh phải | T3-DD214 | 1 | 24,00 |
| 11 | Khu vực cách ly cánh phải | T3-DD221 | 1 | 24,00 |
| Tầng 3 | | | | |
| 12 | Khu vực hạn chế quốc nội đi | T3-DD312 | 1 | 18,00 |
| 13 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD313-A | 1 | 20,00 |
| 14 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD313-B | 1 | 20,00 |
| 15 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD315 | 1 | 28,00 |
| 16 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD316-A | 1 | 25,00 |
| 17 | Khu vực cách ly cánh trái | T3-DD316-B | 1 | 25,00 |
| 18 | Khu vực cách ly cánh phải | T3-DD321 | 1 | 57,00 |
| 19 | Khu vực cách ly cánh phải | T3-DD324 | 1 | 18,00 |
| 20 | Khu vực cách ly cánh phải | T3-DD325-A | 1 | 26,00 |
| 21 | Khu vực cách ly cánh phải | T3-DD325-B | 1 | 25,00 |
| Tổng cộng | | | 21 | |

➤ Vị trí theo sơ đồ bản vẽ đính kèm

Ghi chú: Diện tích có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận mặt bằng/Biên bản nghiệm thu lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.

4. Phương án hợp tác kinh doanh

4.1 Phần tham gia của các bên

a. TIA

Quyền khai thác mặt bằng được quy hoạch làm dịch vụ Ăn uống/Take-away tại nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

b. Đối tác

Đầu tư cơ sở vật chất và vận hành kinh doanh dịch vụ Ăn uống/Take-away, bao gồm các công việc: thiết kế, thi công, lắp đặt trang thiết bị; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa mặt bằng để cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn dịch vụ phục vụ hành khách.

4.2 Phương án phân chia lợi ích hợp tác

a. Phân chia theo doanh thu

$$Li = t * D$$

Trong đó:

- Li** : Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh TIA được phân chia hàng tháng.
T : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).
D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế GTGT).

b. Tỷ lệ phân chia khởi điểm, Lợi ích hợp tác tối thiểu:

Tỷ lệ phân chia khởi điểm và Lợi ích hợp tác tối thiểu cho từng vị trí mặt bằng như sau:

| STT | Mã vị trí mặt bằng | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ phân chia khởi điểm (t) | Lợi ích hợp tác tối thiểu hàng tháng TIA được nhận (Limin)(VND/m ² /tháng) |
|---------------|--------------------|-----------------------------|-------------------------------|---|
| Tầng 1 | | | | |
| 1 | T3-DD104-A | 20,00 | 18% | 1.760.000 |
| 2 | T3-DD104-B | 20,00 | 18% | 1.760.000 |
| 3 | T3-DD105 | 40,00 | 18% | 1.760.000 |
| 4 | T3-DD116-A | 17,00 | 18% | 1.760.000 |
| 5 | T3-DD116-B | 16,00 | 18% | 1.760.000 |
| 6 | T3-DD117 | 33,00 | 18% | 1.760.000 |
| Tầng 2 | | | | |
| 7 | T3-DD201 | 20,00 | 18% | 2.200.000 |
| 8 | T3-DD205 | 20,00 | 18% | 2.200.000 |
| 9 | T3-DD209 | 26,00 | 18% | 2.200.000 |
| 10 | T3-DD214 | 24,00 | 18% | 2.200.000 |
| 11 | T3-DD221 | 24,00 | 18% | 2.200.000 |
| Tầng 3 | | | | |
| 12 | T3-DD312 | 18,00 | 18% | 1.760.000 |
| 13 | T3-DD313-A | 20,00 | 18% | 2.200.000 |

18
S K
.N
H A
N G
I E T
/H

| STT | Mã vị trí mặt bằng | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ phân chia khởi điểm (t) | Lợi ích hợp tác tối thiểu hàng tháng TIA được nhận (Limin)(VNĐ/m ² /tháng) |
|-----|--------------------|-----------------------------|-------------------------------|---|
| 14 | T3-DD313-B | 20,00 | 18% | 2.200.000 |
| 15 | T3-DD315 | 28,00 | 18% | 2.200.000 |
| 16 | T3-DD316-A | 25,00 | 18% | 2.200.000 |
| 17 | T3-DD316-B | 25,00 | 18% | 2.200,000 |
| 18 | T3-DD321 | 57,00 | 18% | 2.200,000 |
| 19 | T3-DD324 | 18,00 | 18% | 2.200.000 |
| 20 | T3-DD325-A | 26,00 | 18% | 2.200.000 |
| 21 | T3-DD325-B | 25,00 | 18% | 2.200.000 |

❖ Lợi ích hợp tác chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, nước, chi phí vệ sinh môi trường, chi phí thi công, thiết kế, lắp đặt, cấp nguồn điện, điện thoại, internet và các chi phí khác (nếu có).

5. Thời gian hợp tác kinh doanh

Thời gian hợp tác kinh doanh: **03 (ba)** năm kể từ ngày ký Biên bản Xác nhận nghiệm thu mặt bằng đưa vào khai thác.

6. Tổ chức và tham gia lựa chọn

6.1 Nguyên tắc tổ chức lựa chọn đối tác:

- Các đơn vị được tùy chọn tham gia hợp tác các vị trí mặt bằng, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của đơn vị;
- Đảm bảo cạnh tranh, chống độc quyền, hướng đến hiệu quả kinh doanh và hợp tác bền vững.

6.2 Hình thức lựa chọn đối tác: lựa chọn rộng rãi.

6.3 Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 01/2025.

6.4 Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

6.5 Phạm vi tham gia lựa chọn:

- Số lượng mặt bằng tối đa mà mỗi đơn vị được tham gia:
 - + Tầng 1: tối đa 02 (hai) mặt bằng;
 - + Tầng 2: tối đa 02 (hai) mặt bằng;
 - + Tầng 3: tối đa 03 (ba) mặt bằng.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP. /.

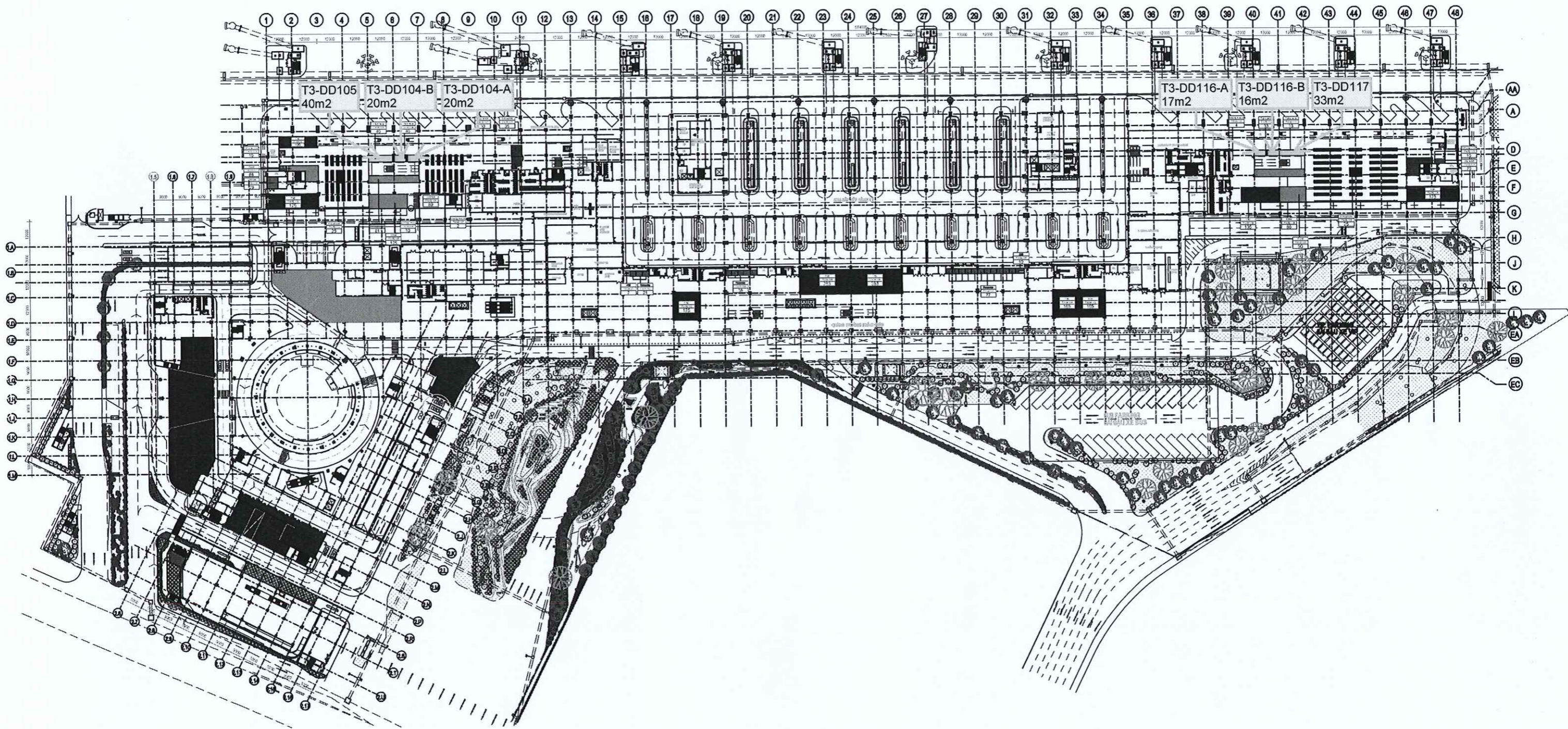
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC**Đặng Ngọc Cương**

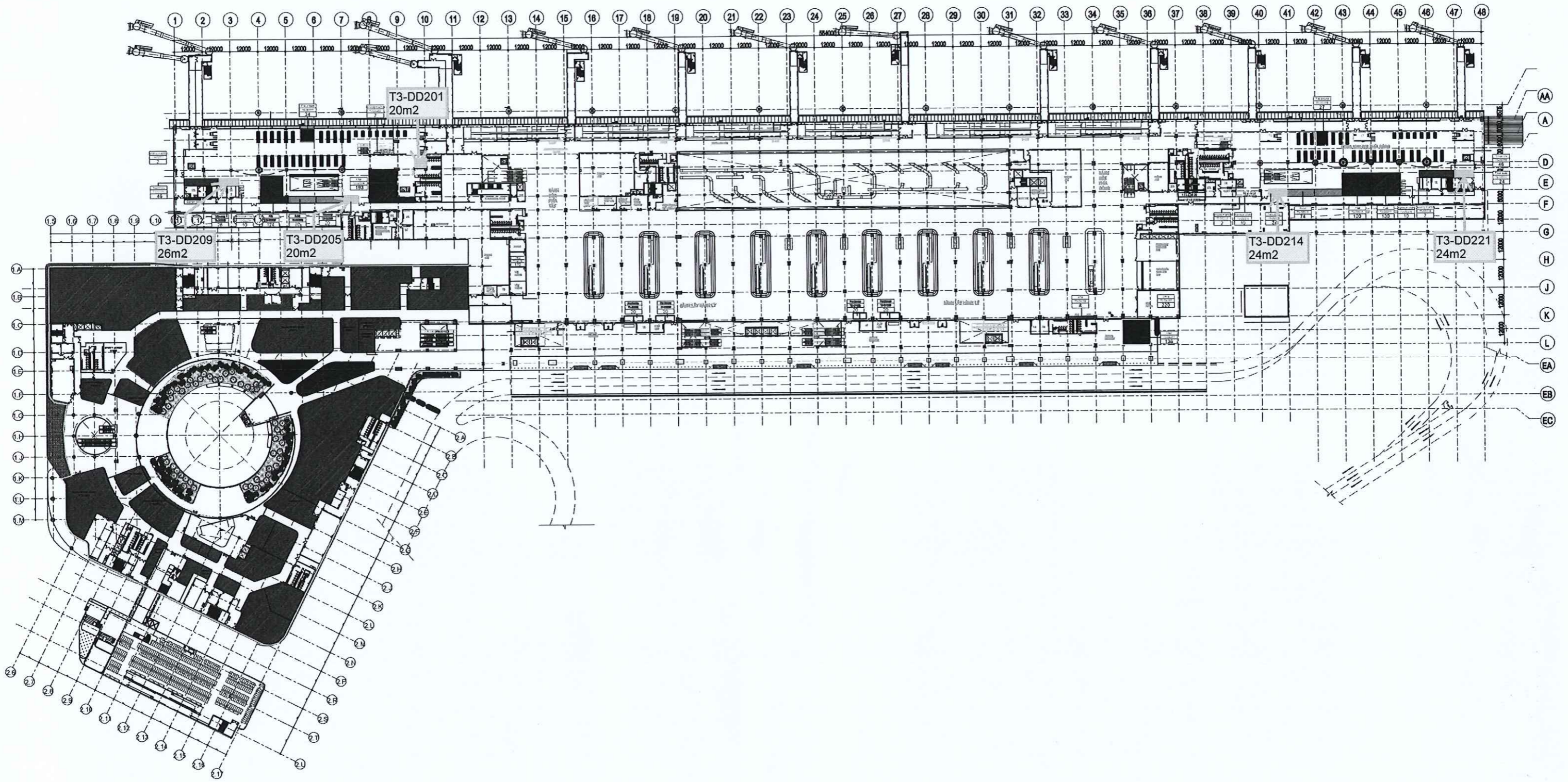
525-
G
QUỐC
NH
NG C
KH
- CT
HỒ

ĂN UỐNG/TAKE AWAY - TẦNG 1

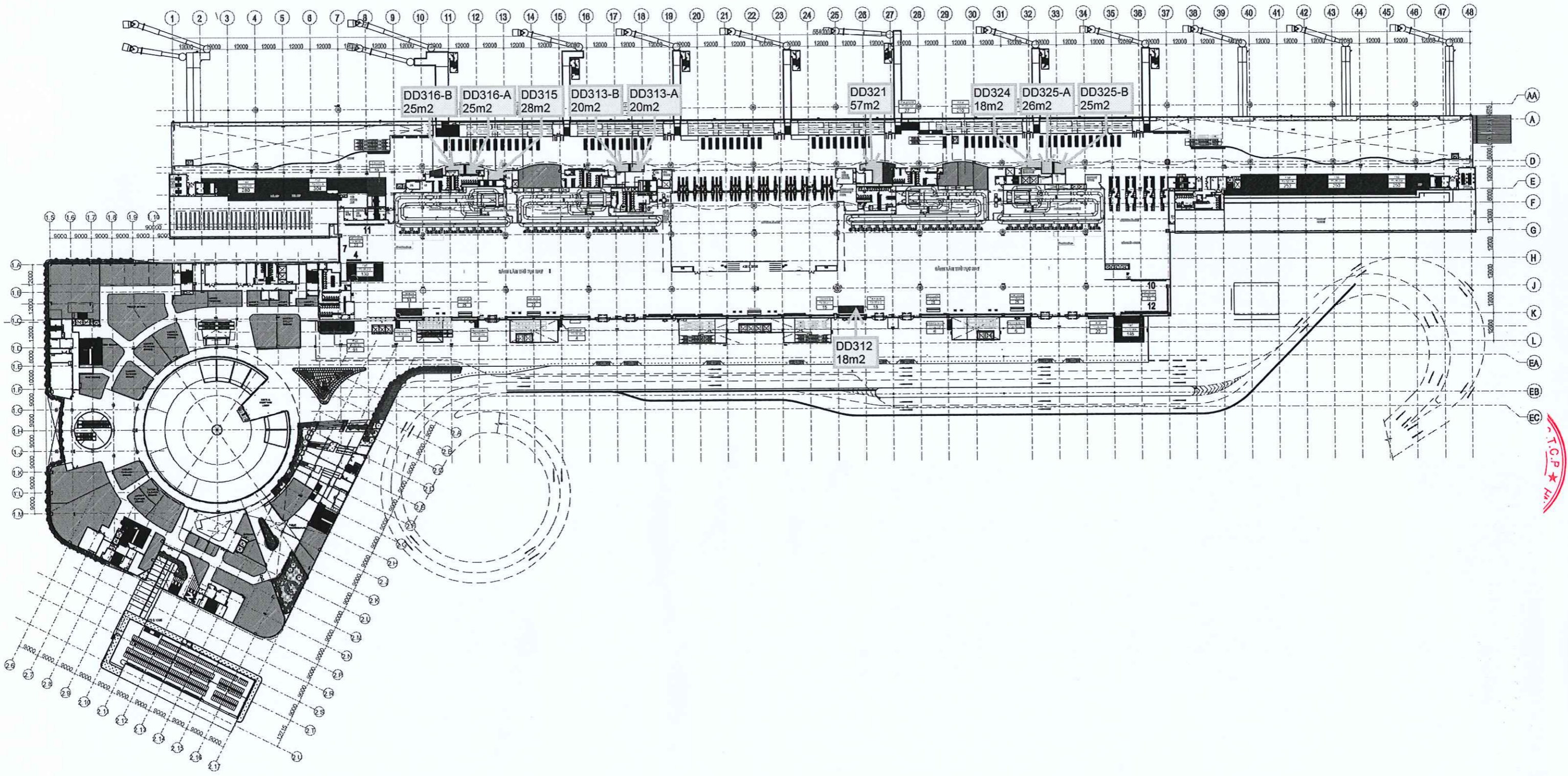


02
T3
ĂN UỐNG
TAKE AWAY
CH

ĂN UÔNG/TAKE AWAY - TẦNG 2



ĂN UỐNG/TAKE AWAY - TẦNG 3



VIETCON CONSULTING & DESIGN